

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN XÃ BUM NỪA, TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Bum Nừa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		TỔNG MỨC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN				4.348.020.324	
I		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				4.198.541.324	
a	a	Bồi thường về đất	đồng	16.765,0		642.545.400	
	ont1	Đất ở tại nông thôn xã Bum Nừa KV1 - VT1	m2	800,0		136.000.000	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nừa - VT1	m2	3.966,7		142.801.200	
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nừa - VT1	m2	11.523,9		345.717.000	
	nts1	Đất nuôi trồng thủy sản xã Bum Nừa - VT1	m2	474,4		18.027.200	
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			1.418.026.742	
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			443.116.982	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			1.615.027.200	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			79.825.000	
f		Chi phí tổ chức thực hiện	đồng			149.479.000	

CHI TIẾT THEO HỌ

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
1		Họ và tên chủ hộ: Vàng Văn Chon - (Đao Văn Bình, Vàng Thị Chích đang sử dụng)				301.755.949	
	1.1	Số định danh cá nhân: 012083003649, ngày cấp: 24/6/2021					
	1.2	Địa chỉ: Bán Bum, xã Bum Nừa, tỉnh Lai Châu					
	1.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0385507058					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	513,2		18.475.200	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nừa - VT1	m2	513,2	36.000	18.475.200	
		Nguồn gốc đất: Được nhà nước cấp GCN (BĐ cấp giấy 2008 cấp cho Vàng Văn Chon, ngày 27/06/2008, diện tích 2.301,8 m2, vào sổ số AM 317099, sổ cấp GCN H00244. Đến năm 2010 chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông Chim Văn Hân, năm 2011 ông Chim Văn Hân chuyển nhượng lại cho ông Đao Văn Bình).					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			198.878.849	Tài sản vật kiến trúc xây dựng năm 2011, không bị lập biên bản vi phạm, hỗ trợ 50% đơn giá theo Điểm c, Khoản 6, Điều 17, QĐ 42
	keg	Nhà khung cột gỗ (phần khung nhà đường kính cột ≥ 20cm)	m2	103,5	522.005	54.027.518	KT: 9*11,5
	ghepgo	Ghép ván gỗ quanh nhà	m2	12,3	75.900	933.570	Vách ngăn: (1,5*3,5)*2+(1,8*1)
	bmkslt	Nhà bán mái khung sắt, lợp tôn	m2 XD	53,2	230.670	12.260.111	Bán mái trước nhà KT: (3,5*8,9)+(5,5*4)
	ngachhiendoanh	Nền, nhà lát gạch Ceramic liên doanh lót VXM	m2	51,2	98.615	5.053.033	Nền nhà chính KT: 8,4*6,1
	maiton	Mái lợp tôn	m2	129,5	79.640	10.313.380	Mái nhà KT: (13,8*7,5)+(5*5,2)
	tranton	Trần tôn thường	m2	51,2	62.755	3.215.566	Trần nhà chính KT: 8,4*6,1
	lotbetong	Lót nền bê tông đá dày 10 cm	m2	103,4	57.640	5.959.976	KT: (2,3*13,8)+(3*5)+(7,3*5,7)+(4,3*3,5)
	tuong220	Tường rào xây gạch, tường 220	m2	123,0	200.310	24.638.130	Tường xây quanh nhà KT: (11,5*3)*2+(9*3)*2
	tuong120	Tường rào xây gạch bi ≤120	m2	28,2	88.055	2.483.151	Tường xây KT: (10,5*0,6)+(1*2,1)+(11,6*1,5)+(6*0,4)
	cuaso1	Cửa khung nhôm cửa sổ	m2	2,4	659.091	1.581.818	Cửa sổ KT: (1*1,2)*2
	cuadi1	Cửa khung nhôm cửa đi Pa nô kính (kính 5 ly dày 4cm)	m2	4,1	772.728	3.168.183	Cửa nhà bếp KT: (1*2,1); Cửa nhà chính KT: 1*2
	8.2	Rãnh thoát nước ngoài nhà, xây gạch không nắp, trát hoàn chính	md	13,0	159.280	2.070.640	KT: 13 m
	3.2.1	- Bể nước sinh hoạt ≥ 6m3 - Bể xây tường 110mm	m3	7,8	435.490	3.396.822	KT: 2,6*2*1,5
	7.6	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây gạch chi, tường 110, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, trát hoàn chính	m2	3,0	743.325	2.229.975	KT: 2*1,5

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	xibet	Xí bet	cái	1,0	540.375	540.375	
	beconap112p	Bê phốt có nắp bê tông, có thể tích ≥ 6m3 - Bê xây tường gạch ép 12 cm	m3	6,0	523.067	3.138.399	KT: 2*1,5*2
	keg1	Nhà khung cột gỗ (phần khung nhà đường kính cột < 20cm)	m2	15,8	469.645	7.396.909	Bếp củi KT: 3,5*4,5
	chuonglonxay	Chuồng lợn xây, lợp ngói hoặc fibro XM, tôn, lán nền vữa XM	m2	18,0	470.470	8.468.460	Chuồng lợn KT: 3*6
	chuongga	Chuồng gà có ván sàn, khung cột gỗ, ghép tre xung quanh, lợp tôn	m2	45,4	371.690	16.874.726	Chuồng gà KT: (3,5*4,5)+(4,7*3,5)+(4*1,5); Nhà củi KT: (4*1,8)
	b401	Hàng rào lưới thép B40 cột bằng tre, gỗ	m2	203,6	138.160	28.122.468	KT: 135,7*1,5
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	198,0	15.180	3.005.640	KT: 22*9*1
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			26.410.300	
	mit6	Mít độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	2,0	1.476.800	2.953.600	Kiểm đếm 12 cây mít, mắc cooc, bưởi trên mật độ trên diện tích 224,1 m2, theo mật độ bồi thường 9 cây
	le6	Mắc coọc độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	1,0	834.900	834.900	
	buoi6	Bưởi Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	4,0	1.116.700	4.466.800	
	mit5	Mít Độ phát tán đường kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	2,0	1.026.800	2.053.600	
	cai	Cải ăn lá các loại	Đồng/m2	60,0	2.700	162.000	
	hanhtoi	Hành, tỏi, kiệu....	Đồng/m2	45,0	7.320	329.400	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37
	hr	Hàng rào cây sống	đồng/m	25,0	7.200	180.000	
	sau3	Sầu Đường kính gốc từ 5 cm đến dưới 10 cm	Đồng/cây	7,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	bo5	Bơ Độ phát tán đường kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	1,0		0	
	oi2	Cây Ôi trồng năm 2	Đồng/cây	13,0		0	
	oi3	Ôi độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	4,0		0	
	khe4	Cây Khế cho thu hoạch	Đồng/cây	1,0		0	
	buoi1	Cây Bưởi trồng năm thứ 1	Đồng/cây	3,0		0	
	xoai3	Cây Xoài trồng năm thứ 3	Đồng/cây	10,0		0	
	sua5	Sưa năm 5	Đồng/cây	3,0		0	
	chuo1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	132,0		0	
	chuo2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	91,0		0	
	na4	Na Độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	2,0		0	
	xoanta	Cây Xoan ta trồng từ năm thứ 4 trở lên	đồng/cây	2,0		0	
	tk2	Trầu không cho thu hoạch	Đồng/cây	5,0		0	
	lon3	Lợn thịt Trọng lượng từ trên 70 Kg đến 115kg/con	Kg	85,0	58.000	4.930.000	1 con lợn mẹ 85kg
	loncon	Lợn con đến 10 Kg	Kg	54,0	150.000	8.100.000	6 con lợn con 9 kg
	lon2	Lợn thịt Trọng lượng từ trên 30 kg đến 70 kg/con	Kg	40,0	60.000	2.400.000	1 con 40kg
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			55.425.600	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nura - VT1)	m2	513,2	108.000	55.425.600	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			2.566.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	513,2	5.000	2.566.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
2		Họ và tên chủ hộ: Vàng văn Tiến - (Đao Văn Dâm, Lò Thị Hung đang sử dụng)				466.436.008	
	2.1	Số định danh cá nhân: 012186005525, ngày cấp: 24/6/2021					
	2.2	Địa chỉ: Bàn Bum, xã Bum Nura, tỉnh Lai Châu					
	2.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0856405546					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	272,5		36.610.000	
	ont1	Đất ở tại nông thôn xã Bum Nura KV1 - VT1	m2	200,0	170.000	34.000.000	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nura - VT1	m2	72,5	36.000	2.610.000	

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
		Nguồn gốc đất: Được nhà nước cấp GCN (BD cấp giấy 2008 cấp cho hộ ông Vàng Văn Tiến và bà Đào Thị Thương, ngày 27/06/2008, diện tích 1.794,6 m2, vào sổ số AM633552, sổ cấp GCN H00503. Đến năm 2009 Chuyển nhượng một phần thửa đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác cho ông Đào Văn Dâm và bà Lò Thị Hung).					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			400.973.476	Tài sản vật kiến trúc xây dựng năm 2020, không bị lập biên bản vi phạm
	2.1.33	Nhà có kết cấu gạch đá; giảng móng BTCT, tường 220 chịu lực, chiều cao nhà 3,3m - 4,0m, mức độ tiện nghi hoàn thiện ở mức trung bình: Sơn tường, hoặc quét vôi vè trong ngoài từ 1-3 nước; hoàn chỉnh từ móng đến mái (Lợp tôn, trần tấm nhựa, nền lát gạch liên doanh, tường 110 giảm trừ 10%)	m2 XD	75,6	2.678.148	202.467.989	KT: 10,5*7,2
	bmkslt	Nhà bán mái khung sắt, lợp tôn	m2 XD	191,5	461.340	88.323.543	Bán mái trước nhà KT: (9*13)+(3,5*11,7)+(7,5*3,2)+(9,5*1)
	tuong110	Tường rào xây gạch, tường 110	m2	45,7	377.850	17.256.410	Tường xây nhà bếp KT: (3,2*2,5)*2+(2,2*2,5)+(2,7*0,6)+(1*0,6) ; Tường xây trước nhà KT: ((2,6*0,5)*2)+(6,5*0,5)+(11,5*1,4)
	6.13	Mái bê tông cốt thép	m3	0,7	6.276.710	4.418.804	Mái nhà bếp KT: 3,2*2,2*0,1
	6.4	Trát tường VXM không đánh màu	m2	45,7	37.950	1.733.177	Tường xây nhà bếp KT: (3,2*2,5)*2+(2,2*2,5)+(2,7*0,6)+(1*0,6) ; Tường xây trước nhà KT: ((2,6*0,5)*2)+(6,5*0,5)+(11,5*1,4)
	ngachliendoanh	Nền, nhà lát gạch Ceramic liên doanh lót VXM	m2	36,8	197.230	7.252.147	Nhà bếp KT: (3,2*2,2)+(1,2*3,9)+(1*1,2); Nhà tắm KT: (3,3*2,5)+((1,5*2,4)*2)+(3,6*1,5)+(2*1,5)
	nhatam110	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây gạch chi tường 110, mái lợp tôn, nền lát gạch liên doanh, trát hoàn chỉnh	m2	10,1	1.623.160	16.361.453	KT: 2,8*3,6
	xibet	Xí bet	cái	1,0	1.080.750	1.080.750	
	beconap112p	Bê phốt có nắp bê tông, có thể tích ≥ 6m3 - Bê xây tường gạch ép 12 cm	m3	6,0	1.046.133	6.276.798	KT: 2*1,5*2
	lotbetong	Lót nền bê tông đá dày 10 cm	m2	166,6	115.280	19.205.648	KT: (6,7*12)+(6*11,7)+(6,8*2)+(1,5*1,6)
	kexay111	Kè xây bằng đá	m3	9,4	541.750	5.070.780	KT: 1*11,7*0,2
	chuonglon	Chuồng lợn khung gỗ, lán nền vữa XM, ghép tre, gỗ, lợp fibro xi măng, tôn	m2	42,3	245.850	10.387.163	Chuồng lợn KT: 6,5*6,5
	chuongga	Chuồng gà có ván sàn, khung cột gỗ, ghép tre xung quanh, lợp tôn	m2	13,8	371.690	5.136.756	Chuồng gà KT: (2,1*1,4)+(1,7*1,4)+(3,4*2,5)
	tecnuoc	Téc nước	cái	1,0	689.700	689.700	
	b401	Hàng rào lưới thép B40 cột bằng tre, gỗ	m2	30,0	138.160	4.144.800	KT: (14*1,2)+(11*1,2)
	HDPE25	Ống HDPE (PE80) :DN25 _Độ dày 2mm _PN10	đồng/m	720,0	9.818	7.068.960	
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	270,0	15.180	4.098.600	KT: 18*15*1
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			20.660.032	
	mit6	Mít độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	2,0	1.476.800	2.953.600	Kiểm đếm 4 cây mít và bưởi trên mặt độ trên diện tích 72.5 m2, theo mật độ bồi thường 3 cây
	bui6	Bưởi Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	1,0	1.116.700	1.116.700	
	hr	Hàng rào cây sống	đồng/m	121,6	7.200	875.232	Hàng rào tre nứa
	cai	Cải ăn lá các loại	Đồng/m2	60,0	2.700	162.000	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37
	tl2	Cây Thanh long trồng năm thứ 2	Đồng/cây	29,0	63.000	1.827.000	Trồng trên đất nhà trường
	gung	Gừng, nghệ, riềng, sả.....	Đồng/m2	19,0	13.100	248.900	Trồng trên đất nhà trường
	chuoi1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	15,0	60.200	903.000	Diện tích 187 m2, theo mật độ bồi thường 26 cây chuối và 8 cây hoa dâm bụt trồng trên đất nhà ông Vàng Văn Tiến
	chuoi2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	11,0	93.600	1.029.600	
	hb1	Cây hoa búi, cây gỗ nhỏ chiều cao dưới 1 m	đồng/cây	8,0	93.000	744.000	
	du2	Cây Đu đủ cho thu hoạch	Đồng/cây	3,0		0	
	mit2	Cây mít trồng năm thứ 2	Đồng/cây	2,0		0	

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	nhan2	Cây Nhân, vãi trồng năm thứ 2	Đồng/cây	3,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	sau3	Sầu Đường kính gốc từ 5 cm đến dưới 10 cm	Đồng/cây	1,0		0	
	tram5	Trám năm 5	Đồng/cây	1,0		0	
	oi2	Cây Ôi trồng năm 2	Đồng/cây	22,0		0	
	xoi3	Cây Xoài trồng năm thứ 3	Đồng/cây	9,0		0	
	xoi4	Xoài Độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	4,0		0	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	60,0		0	
	gioian5	Giổi ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	2		0	
	lon2	Lợn thịt Trọng lượng từ trên 30 kg đến 70 kg/con	Kg	180	60.000	10.800.000	3 con 60 kg/con
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			7.830.000	
	hthnkl	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1)	m2	72,5	108.000	7.830.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			362.500	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	72,5	5.000	362.500	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
3		Họ và tên chủ hộ: Vàng Văn Tiến, Đào Thị Thương				808.030.428	
	2.1	Số định danh cá nhân: 012073002445, ngày cấp:					
	2.2	Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	2.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0977324120					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	3.959,2		152.036.200	
	ont1	Đất ở tại nông thôn xã Bum Nưa KV1 - VT1	m2	200,0	170.000	34.000.000	
		Nguồn gốc đất: (Được nhà nước cấp GCN (BĐ cấp giấy 2008 cấp cho Vàng Văn Tiến, ngày 27/06/2008, diện tích 1794.6 m, vào sổ số AM633552, sổ cấp GCN H00503)					
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1	m2	876,7	36.000	31.561.200	
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	2.882,5	30.000	86.475.000	
		Nguồn gốc đất: Được nhà nước cấp GCN (BĐ cấp giấy 2008 cấp cho Vàng Văn Tiến, ngày 27/06/2008, diện tích 1794.6 m, vào sổ số AM633552, sổ cấp GCN H00503); Đất do gia đình tự khai hoang năm 1998, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			177.043.578	Tài sản vật kiến trúc xây dựng năm 2012, không bị lập biên bản vi phạm
	banmai110	Nhà bán mái xây gạch, tường 22cm, lợp tôn, cao từ 2,7m đến 3,6m, nền lát gạch các loại (Tường 110, giảm trừ 10%)	m2 XD	93,6	874.071	81.813.046	Nhà KT: 10,2*8; nhà bếp KT: 3*4
	tuongga chmen	Ôp tường, trụ, cột gạch men sứ 200x250mm	m2	13,1	324.830	4.268.266	KT: ((2,5*1,8)*2+(1,5*1,8)+(0,8*1,8))
	nhatam 11	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây đồ mái bằng BTCT, tường 11cm gạch chi	m2	12,8	2.318.910	29.682.048	KT: 3,2*4
	7.6.1	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây gạch chi, tường 110, mái fibro xi măng, nền láng vữa xi măng, trát hoàn chỉnh	m3	2,0	1.406.650	2.869.566	KT: 1,2*1,7
	xibet	Xí bet	cái	1,0	1.080.750	1.080.750	
	bephot	Bê phốt có nắp bê tông, có thể tích < 6m3 - Bê xây tường gạch ép tường 12cm	m3	2,0	706.068	1.440.379	KT: 1,2*1,7*1
	lotbetong	Lót nền bê tông đá dày 10 cm	m2	13,0	115.280	1.498.640	KT: 6,5*2
	begach1 1	Bê nước sinh hoạt không nắp bê tông, có thể tích < 6m3- Bê xây tường 110 mm	m3	3,3	784.520	2.600.684	KT: 1,7*1,5*1,3
	b401	Hàng rào lưới thép B40 cột bằng tre, gỗ	m2	337,5	138.160	46.629.000	KT: (15*1,5)*15
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	340,0	15.180	5.161.200	KT: 20*17*1
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			99.386.050	
	mit6	Mít độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	3,0	1.476.800	4.430.400	Kiểm đếm 1.679 cây mít, nhãn, vãi, sầu, quế, giổi, sa nhân trên mật độ trên diện tích 3572.2 m2, theo mật độ bồi thường 1.423 cây, số cây còn lại vượt mật độ không đủ điều kiện bồi thường
	nhan6	Nhãn, Vãi Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	9,0	1.789.700	16.107.300	
	sau6	Sầu đường kính gốc từ 30 cm trở lên	Đồng/cây	8,0	740.000	5.920.000	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	1.361,0	47.000	63.967.000	
	gioian5	Giổi ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	28,0	241.000	6.748.000	
	sanhan3	Sa nhân tím cho thu hoạch	Đồng/cây	14,0	133.700	1.871.800	
	dong	Dong riêng	Đồng/m2	165,0	2.070	341.550	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá
	sau1	Sầu Đường kính gốc dưới 3 cm	Đồng/cây	21,0		0	
	nhan3	Cây Nhân, vãi trồng năm thứ 3	Đồng/cây	19,0		0	
	mit1	Cây mít trồng năm thứ 1	Đồng/cây	104,0		0	
	tre3	Tre năm 3	Đồng/cây	197,0		0	
	chuoii2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	150,0		0	

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	chuo1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	210,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	dua1	Cây Dứa chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	1.100,0		0	
	mac1	Mắc ca năm 1	Đồng/cây	100,0		0	
	oi2	Cây Ôi trồng năm 2	Đồng/cây	120,0		0	
	gioi4	Giổi xanh năm 4	Đồng/cây	19,0		0	
	xoi5	Xoài Độ phát tán đường kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	7,0		0	
	xoi3	Cây Xoài trồng năm thứ 3	Đồng/cây	29,0		0	
	buoi2	Cây Bưởi trồng năm thứ 2	Đồng/cây	24,0		0	
	tram5	Trám năm 5	Đồng/cây	5,0		0	
	hb1	Cây hoa bụi, cây gỗ nhỏ chiều cao dưới 1 m	đồng/cây	4,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			360.768.600	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nura - VT1)	m2	876,7	108.000	94.683.600	
	htnhk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất nương rẫy xã Bum Nura - VT1)	m2	2.882,5	90.000	259.425.000	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	360,0	18.500	6.660.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			18.796.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	3.759,2	5.000	18.796.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
4		Họ và tên chủ hộ: Đào Thị Vịt- con trai Vàng Văn Tứ, vợ Vàng Thị Hậu				561.016.984	
	4.1	Số định danh cá nhân: 012094002273, ngày cấp: 24/6/2021					
	4.2	Địa chỉ: Bán Bum, xã Bum Nura, tỉnh Lai Châu					
	4.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0336042724					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	2.415,6		106.994.800	
	ont1	Đất ở tại nông thôn xã Bum Nura KV1 - VT1	m2	200,0	170.000	34.000.000	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nura - VT1	m2	1.087,8	36.000	39.160.800	
		Nguồn gốc đất: Được nhà nước ccaasp GCN (BĐ cấp giấy 2008 cấp cho Vàng Văn Hanh, và bà Đào Thị Vịt ngày 27/06/2008, diện tích 1845.2 m, vào sổ sổ AM633529, sổ cấp GCN H00525)					
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nura - VT1	m2	1.127,8	30.000	33.834.000	
		Nguồn gốc: Đất do gia đình tự khai hoang năm 2012, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			153.588.884	Tài sản, vật kiến trúc xây dựng năm 2019, không bị lập biên bản vi phạm
	2.6.4	Nhà xây gạch ép T 12cm không hiện BTCT, Lợp tôn, nền láng VXM, chiều cao từ 2,7m đến 3,3m; mức độ tiện nghi hoàn thiện ở mức trung bình, hoàn chỉnh từ móng đến mái (chiều cao 2,5m giảm trừ 15%, không trần nhựa trừ 123.200đ/m2)	m2 XD	31,4	1.767.651	55.539.579	KT: (4,3*2,6)+(4,4*4,6)
	nhatam 12	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây đồ mái bằng BTCT, tường xây gạch ép 12 cm, lát gạch chống trơn, gạch liên doanh	m2	9,2	2.087.019	19.284.056	KT: 4,2*2,2
	beconap1 12p	Bê phốt có nắp bê tông, có thể tích ≥ 6m3 - Bê xây tường gạch ép 12 cm	m3	6,2	1.046.133	6.527.870	KT: 2,6*2,4*1
	3.1.1	Bê nước sinh hoạt có nắp bê tông, thể tích ≥ 6m3 - Bê xây tường 110mm	m3	9,7	1.162.370	11.251.742	KT: 2,2*2,2*2
	chuong ga	Chuồng gà có ván sàn, khung cột gỗ, ghép tre xung quanh, lợp tôn	m2	22,9	371.690	8.504.267	KT: (5,6*2,8)+(2,4*3)
	chuongl onxay XM	Chuồng lợn xây, lợp ngói hoặc fibro XM, tôn, láng nền vữa XM	m2	11,3	470.470	5.292.788	KT: 2,5*4,5
	kexayga ch	Kè xây bằng gạch	m3	9,0	767.910	6.911.190	KT: (5*1,2*0,5)+15*1*0,4
	lotbeton g	Lót nền bê tông đá dày 10 cm	m2	197,4	115.280	22.760.883	KT: (11,5*1)+(2,7*2)+(1,5*1,1)+(16*11)+(1,7*1,7)
	bb	Xây bờ bó sân hoàn chỉnh	md	19,0	66.770	1.268.630	
	b401	Hàng rào lưới thép B40 cột bằng tre, gỗ	m2	67,5	138.160	9.325.800	KT: 45*1,5
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	456,0	15.180	6.922.080	KT: 24*19*1
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			63.710.900	
	xoi6	Xoài Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	5,0	657.400	3.287.000	Kiểm đếm 1.302 cây xoài, bưởi, mít, giổi, quế trên trên diện tích 2.215.6 m2, theo mật độ bồi thường 824 cây, số cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	buoi6	Bưởi Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	4,0	1.116.700	4.466.800	
	mit6	Mít độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	7,0	1.476.800	10.337.600	
	gioian5	Giổi ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	25,0	241.000	6.025.000	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	783,0	47.000	36.801.000	
	san	Sản	Đồng/m2	650,0	3.100	2.015.000	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37
	dong	Dong riêng	Đồng/m2	150,0	2.070	310.500	
	hr	Hàng rào cây sống	đồng/m	65,0	7.200	468.000	Hàng rào tre nứa

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	mit3	Cây mít trồng năm thứ 3	Đồng/cây	8,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	xoai3	Cây Xoài trồng năm thứ 3	Đồng/cây	9,0		0	
	chuoii2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	388,0		0	
	chuoii1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	550,0		0	
	bo4	Bơ Độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	28,0		0	
	tre5	Tre năm 5	Đồng/cây	85,0		0	
	buoii2	Cây Bưởi trồng năm thứ 2	Đồng/cây	39,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			225.644.400	
	hthnkl	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nua - VT1)	m2	1.087,8	108.000	117.482.400	
	htnhkl	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất nương rẫy xã Bum Nua - VT1	m2	1.127,8	90.000	101.502.000	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	360,0	18.500	6.660.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			11.078.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	2.215,6	5.000	11.078.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
5		Họ và tên chủ hộ: Đào Thị Vịt - (Đào Thị Yên, Lò Văn Sương đang sử dụng)				255.377.290	
	5.1	Số định danh cá nhân: 012188004696, ngày cấp: 24/6/2021					
	5.2	Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nua, tỉnh Lai Châu					
	5.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0343688102					
a	a	Bồi thường về đất		690,2		51.647.200	
	ont1	Đất ở tại nông thôn xã Bum Nua KV1 - VT1	m2	200,0	170.000	34.000.000	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nua - VT1	m2	490,2	36.000	17.647.200	
		Nguồn gốc: Được nhà nước cấp GCN (BĐ cấp giấy 2008 cấp cho ông Vàng Văn Hanh và bà Đào Thị Vịt, ngày 27/06/2008, diện tích 1.845,2 m2, vào sổ số AM633529, số cấp GCN H00525. Đến năm 2010 chuyển nhượng một phần thửa đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác cho ông Lò Văn Sương và bà Đào Thị Yên).					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			123.887.990	Tài sản, vật kiến trúc xây dựng năm 2010, không bị lập biên bản vi phạm
	tuongl10	Tường rào xây gạch, tường 110	m2	72,5	377.850	27.394.125	KT: (7*2,5)*2+(7,5*2,5)*2
	kecg1	Nhà khung cột gỗ (phần khung nhà đường kính cột < 20cm)	m2	29,4	939.290	27.615.126	KT: (5*4,2)+(2*4,2)
	2.6.4	Nhà xây gạch ép T 12cm không hiện BTCT, Lợp tôn, nền láng VXM, chiều cao từ 2,7m đến 3,3m; mức độ tiện nghi hoàn thiện ở mức trung bình, hoàn chỉnh từ móng đến mái (chiều cao 2,5m giảm trừ 15%, không trần nhựa trừ 123.200đ/m2)	m2 XD	8,1	1.767.651	14.353.322	KT: 2,8*2,9
	7.10	Nhà tắm, nhà vệ sinh xây gạch T18, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, trát hoàn chỉnh	m2	6,1	1.390.400	8.467.536	KT: (2*2,2)+(1,3*1,3)
	3.2.3	- Bê nước sinh hoạt có thể tích < 6m3 - Bê xây tường 110mm	m3	3,9	784.520	3.040.800	KT: 1,7*1,9*1,2
	bekhnap118	Bê nước sinh hoạt không nắp bê tông, có thể tích < 6m3 - Bê xây tường gạch ép tường 18 cm	m3	4,3	792.099	3.398.105	KT: 2,2*1,5*1,3
	bephot	Bê phốt có nắp bê tông, có thể tích < 6m3 - Bê xây tường gạch ép tường 12cm	m3	3,8	706.068	2.668.937	KT: 1,5*1,4*1,8
	chuonglonxay	Chuồng lợn xây, lợp ngói hoặc fibro XM, tôn, láng nền vữa XM	m2	17,9	470.470	8.402.594	KT: 3,8*4,7
	chuongga	Chuồng gà có ván sàn, khung cột gỗ, ghép tre xung quanh, lợp tôn	m2	12,6	371.690	4.687.011	KT: (3,7*2,8)+(1,5*1,5)
	keda	Kè đá xếp khan	m3	9,6	195.800	1.879.680	KT: 20*1,2*0,4
	lotbetong	Lót nền bê tông đá dày 10 cm	m2	162,2	115.280	18.701.874	KT: (9*9,8)+(14*3,6)+(4,7*3,3)+(2,8*2,9)
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	216,0	15.180	3.278.880	KT: 18*12*1
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			24.449.500	
	nhan6	Nhân, Vải Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	5,0	1.789.700	8.948.500	Kiểm đếm 50 cây nhân, mít trên trên diện tích 490.2 m2, theo mật độ bồi thường 19 cây, số cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	mit6	Mít độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	7,0	1.476.800	10.337.600	
	mit3	Cây mít trồng năm thứ 3	Đồng/cây	8,0	576.800	4.614.400	
	hanhtoii	Hành, tỏi, kiệu....	Đồng/m2	75,0	7.320	549.000	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37
	nhan3	Cây Nhân, vải trồng năm thứ 3	Đồng/cây	11,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	chuoii2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	155,0		0	
	chuoii1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	115,0		0	

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	oi2	Cây Ôi trồng năm 2	Đồng/cây	35,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			52.941.600	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1)	m2	490,2	108.000	52.941.600	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			2.451.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	490,2	5.000	2.451.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
5		Họ và tên chủ hộ: Đào Thị Yên, Lò Văn Sương				318.269.700	
	5.1	Số định danh cá nhân: 012188004696, ngày cấp: 24/6/2021					
	5.2	Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	5.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0343688102					
a	a	Bồi thường về đất		2.099,4		62.982.000	
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	2.099,4	30.000	62.982.000	
		Nguồn gốc: Đất do gia đình tự khai hoang năm 2007, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			52.514.700	
	xoai6	Xoài Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	18,0	657.400	11.833.200	Kiểm đếm 2.330 cây xoài, giổi, quế trên diện tích 2099.4 m2, theo mật độ bồi thường 595 cây, số cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	gioian5	Giổi ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	62,0	241.000	14.942.000	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	515,0	47.000	24.205.000	
	san	Sắn	Đồng/m2	1.650,0	930	1.534.500	<i>Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37</i>
	bo4	Bơ Độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	5,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	mac5	Mắc ca trồng năm thứ 5	Đồng/cây	39,0		0	
	tre4	Tre năm 4	Đồng/cây	45,0		0	
	tram5	Trám năm 5	Đồng/cây	15,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			192.276.000	
	htnhk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1)	m2	2.099,4	90.000	188.946.000	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	180,0	18.500	3.330.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			10.497.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	2.099,4	5.000	10.497.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
6		Họ và tên chủ hộ: Lò Thị Điều, Vàng Văn Thọ				224.942.849	
	7.1	Số định danh cá nhân: 012185006552, ngày cấp: 24/6/2021					
	7.2	Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	7.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0888093025					
a	a	Bồi thường về đất		1.462,3		43.869.000	
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	1.462,3	30.000	43.869.000	
		Nguồn gốc đất: Đất do gia đình tự khai hoang năm 2004, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			9.169.949	
	HDPE63	Ống HDPE (PE80) :DN63 _Độ dày 3mm _PN6	đồng/m	200,0	39.909	7.981.800	
	bekhnap118	Bể nước sinh hoạt không nắp bê tông, có thể tích < 6m3 - Bể xây tường gạch ép tường 18 cm	m3	1,5	792.099	1.188.149	<i>Bể đầu nguồn</i>
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			27.990.400	
	que4	Quế năm 4	Đồng/cây	200,0	47.000	9.400.000	
	xoai5	Xoài Độ phát tán đường kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	7,0	582.400	4.076.800	
	chuoi2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	9,0	93.600	842.400	
	chuoi1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	6,0	60.200	361.200	
	sau5	Sầu Đường kính gốc từ 20 cm đến dưới 30 cm	Đồng/cây	11,0	590.000	6.490.000	
	gioian5	Giổi ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	23,0	241.000	5.543.000	
	xoanta5	Xoan ta năm 5	Đồng/cây	9,0	73.000	657.000	
	san	Sắn	Đồng/m2	200,0	3.100	620.000	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			136.602.000	

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	htnhk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	1.462,3	90.000	131.607.000	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	270,0	18.500	4.995.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			7.311.500	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	1.462,3	5.000	7.311.500	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
7		Họ và tên chủ hộ: Tổng Văn Thi (con trai Tổng Đức Lợi, Lý Thị Tiền đang sử dụng)				412.653.265	
	6.1	Số định danh cá nhân: 012059000134, ngày cấp: 13/4/2021					
	6.2	Địa chỉ: Thôn 1, xã Bum tở, tỉnh Lai Châu					
	6.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0945368505					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	892,4		33.075.200	
	HNK1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1	m2	418,0	36.000	15.048.000	
	nts1	Đất nuôi trồng thủy sản xã Bum Nưa - VT1	m2	474,4	38.000	18.027.200	
		Nguồn gốc: Được nhà nước cấp GCN (BĐ cấp giấy 2023 cấp cho ông Lò Văn Chí, ngày 31/05/2023, diện tích 2.203,5 m2, vào sổ số CX357937, số cấp GCN H03647; Đến ngày 21/6/2023 chuyển nhượng cho ông Tổng Văn Thi theo hồ sơ số: 001647CN001).					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			261.883.565	
	tuong220	Tường rào xây gạch, tường 220	m2	174,0	400.620	69.707.880	
	khungB40	Tường rào khung thép, lưới thép B40	m2	74,4	169.950	12.644.280	
	betong	Bê tông đá Dmax 20	m3	125,3	1.306.580	163.688.342	
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	1.043,7	15.180	15.843.062	KT: 474,4*2,2
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			12.341.900	
	xoai6	Xoài Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	4,0	657.400	2.629.600	Kiểm đếm 864 cây xoài, quế trên diện tích 418.0 m2, theo mật độ bồi thường 163 cây, số cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	159,0	47.000	7.473.000	
	xoai4	Xoài Độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	7,0	319.900	2.239.300	Cây ảnh hưởng
	xoai3	Cây Xoài trồng năm thứ 3	Đồng/cây	81,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	lathoa5	Lát hoa Năm 5	đồng/cây	2,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			100.890.600	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1)	m2	418,0	108.000	45.144.000	
	htnts1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất nuôi trồng thủy sản xã Bum Nưa NTS - VT1)	m2	474,4	114.000	54.081.600	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	90,0	18.500	1.665.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			4.462.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	892,4	5.000	4.462.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
8		Họ và tên chủ hộ: Vàng Thị Pin, con trai Vàng Văn Thư				214.780.100	
	8.1	Số định danh cá nhân: 012093007328, ngày cấp: 24/6/2021					
	8.2	Địa chỉ: Bàn Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	8.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản:					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	1.334,9		40.047.000	
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	1.334,9	30.000	40.047.000	
		Nguồn gốc đất: Đất do gia đình tự khai hoang năm 2011, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			39.592.600	
	gioian5	Giổi ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	60,0	241.000	14.460.000	Kiểm đếm 433 cây giổi, sấu, bưởi, chanh, mận, quế trên diện tích 418.0 m2, theo mật độ bồi thường 163 cây, số cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	sau6	Sầu đường kính gốc từ 30 cm trở lên	Đồng/cây	12,0	740.000	8.880.000	
	buoio6	Bưởi Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	3,0	1.116.700	3.350.100	
	cam4	Cam, quýt, chanh Độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	2,0	354.300	708.600	
	mit6	Mít độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	3,0	1.476.800	4.430.400	
	man6	Mận, Mơ; Đào Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	3,0	598.000	1.794.000	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	80,0	47.000	3.760.000	
	hr	Hàng rào cây sống	đồng/m	97,5	7.200	702.000	Hàng rào tre nứa

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
	san	Sản	Đồng/m2	750,0	930	697.500	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37
	sau4	Sầu Đường kính gốc từ 10 cm đến dưới 20 cm	Đồng/cây	6,0	135.000	810.000	Cây ảnh hưởng
	que4	Quế năm 4	Đồng/cây	45,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	oi2	Cây Ôi trồng năm 2	Đồng/cây	7,0		0	
	chuo1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	8,0		0	
	chuo2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	7,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			128.466.000	
	htnhk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	1.334,9	90.000	120.141.000	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	450,0	18.500	8.325.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			6.674.500	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	1.334,9	5.000	6.674.500	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
9		Họ và tên chủ hộ: Lò Văn Chí, Dao Thị Thim				95.778.400	
	1.1	Số định danh cá nhân: 012047000001, ngày cấp: 25/6/2021					
	1.2	Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	1.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0337879532					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	468,7		16.873.200	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1	m2	468,7	36.000	16.873.200	
		Nguồn gốc đất: Đất do gia đình tự khai hoang năm 1980, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			4.756.400	
	dtg	Hàng rào dây thép gai cột bằng tre, gỗ	md	230,0	20.680	4.756.400	
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			16.190.700	
	gioian5	Giới ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	17,0	241.000	4.097.000	Kiểm đếm 354 cây giới,quế trên diện tích 468,7 m2, theo mật độ bồi thường 109 cây, số cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	sau6	Sầu đường kính gốc từ 30 cm trở lên	Đồng/cây	5,0	740.000	3.700.000	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	87,0	47.000	4.089.000	
	le6	Mắc coop độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	3,0	834.900	2.504.700	Cây ảnh hưởng (cây mắc có, sầu)
	sau4	Sầu Đường kính gốc từ 10 cm đến dưới 20 cm	Đồng/cây	4,0	450.000	1.800.000	
	sanhan3	Sa nhân tím cho thu hoạch	Đồng/cây	94,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	tre2	Tre năm 2	Đồng/cây	120,0		0	
	tre4	Tre năm 4	Đồng/cây	123,0		0	
	tre5	Tre năm 5	Đồng/cây	103,0		0	
	tram5	Trám năm 5	Đồng/cây	5,0		0	
	xoanta5	Xoan ta năm 5	Đồng/cây	2,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			55.614.600	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1)	m2	468,7	108.000	50.619.600	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	270,0	18.500	4.995.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			2.343.500	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	468,7	5.000	2.343.500	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
10		Họ và tên chủ hộ: Vàng Văn Thiệu vợ là: Vàng Thị Phương				516.648.285	
	1.1	Số định danh cá nhân: 012080005697, ngày cấp: 09/8/2021					
	1.2	Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	1.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0856405546					
a	a	Bồi thường về đất	đồng	2.617,0		78.510.000	
	nhk1	Đất nương rẫy xã Bum Nưa - VT1	m2	2.617,0	30.000	78.510.000	

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
		Nguồn gốc đất: Đất do gia đình tự khai hoang năm 1998, sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	đồng			75.887.385	Tài sản, vật kiến trúc xây dựng năm 2021, không bị lập biên bản vi phạm
	keg	Nhà khung cột gỗ (phần khung nhà đường kính cột ≥ 20cm)	m2	85,5	522.005	44.631.428	KT: 9,5*9
	maipro	Mái lợp fibro xi măng	m2	123,5	31.845	3.932.858	KT: 9,5*13
	ghepgo	Ghép ván gỗ quanh nhà	m2	92,5	75.900	7.020.750	KT: (9,5*2,5)*2+(9*2,5)*2
	chuong	Chuồng khung gỗ, lán nền vữa XM, ghép tre, gỗ, lợp fibro xi măng, tôn	m2	27,0	245.850	6.637.950	KT: 9*3
	nenxi	Nền, sân lán xi măng dày 3cm	m2	5,0	54.560	272.800	KT: 2*2,5
	B401	Hàng rào lưới thép B40 cột bằng tre, gỗ	m2	54,0	138.160	7.460.640	KT: 30*1,8
	HDPE25	Ống HDPE (PE80) :DN25 _Độ dày 2mm _PN10	đồng/m	400,0	9.818	3.927.200	
	12.3	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi <=50m	m3	132,0	15.180	2.003.760	KT: 12*11*1
c	c	Bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi	đồng			59.869.900	
	gioian5	Giới ăn hạt trồng năm thứ 5	Đồng/cây	87,0	241.000	20.967.000	Kiểm đếm 331 cây giới, nhãn, xoài, sầu,quế, chuối trên diện tích 2.499,5 m2, theo mật độ bồi thường 331 cây
	nhan6	Nhãn, Vải Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	5,0	1.789.700	8.948.500	
	xoai6	Xoài Độ phát tán đường kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	7,0	657.400	4.601.800	
	sau6	Sầu đường kính gốc từ 30 cm trở lên	Đồng/cây	9,0	740.000	6.660.000	
	que5	Quế năm 5	Đồng/cây	153,0	47.000	7.191.000	
	nhan3	Cây Nhãn, vải trồng năm thứ 3	Đồng/cây	7,0	389.700	2.727.900	
	cam3	Cây cam, quýt, chanh trồng năm 3	Đồng/cây	10,0	193.000	1.930.000	
	chuoai1	Chuối chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	27,0	60.200	1.625.400	
	chuoai2	Chuối cho thu hoạch	Đồng/cây	23,0	93.600	2.152.800	
	oi3	Ôi độ phát tán đường kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	3,0	260.300	780.900	
	hanhtoi	Hành, tỏi, kiệu....	Đồng/m2	35,5	24.400	866.200	
	san	Sắn	Đồng/m2	1.200,0	930	1.116.000	Cây hàng năm trồng xen, hỗ trợ 30% đơn giá theo Điều 1 QĐ 37
	hr	Hàng rào cây sống	đồng/m	42,0	7.200	302.400	Hàng rào tre nứa
	xoanta1	Xoan ta năm 1	Đồng/cây	3,0		0	Các loại cây còn lại vượt mật độ, không đủ điều kiện bồi thường
	xoanta5	Xoan ta năm 5	Đồng/cây	16,0		0	
	tre3	Tre năm 3	Đồng/cây	26,0		0	
	tre2	Tre năm 2	Đồng/cây	28,0		0	
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			289.296.000	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1)	m2	2.617,0	108.000	282.636.000	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	360,0	18.500	6.660.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			13.085.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	2.617,0	5.000	13.085.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ
11		Họ và tên chủ hộ: Vàng Văn Chon, Vàng Thị Thạch				10.895.400	10.895.400
	5.1	Số định danh cá nhân: 012066000050					
	5.2	Địa chỉ: Bán Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	5.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0326578236					
a	a	Bồi thường về đất		39,6		1.425.600	
	hnk1	Đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1	m2	39,6	36.000	1.425.600	
		Nguồn gốc: Được nhà nước cấp GCN (BD cấp giấy 2008 cấp cho Vàng Văn Chon, ngày 27/06/2008, diện tích 2301.8 m2, vào sổ số AM 317099, sổ cấp GCN H00244).					
d	d	Chính sách hỗ trợ	đồng			9.271.800	
	hthnk1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (thu hồi đất trồng cây hàng năm khác xã Bum Nưa - VT1)	m2	39,6	108.000	4.276.800	
	htodds	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất (bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân không phải di chuyển chỗ ở)	đồng	270,0	18.500	4.995.000	
e	kth	Chính sách khen thưởng	đồng			198.000	
	bg1	Thưởng bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn	đồng	39,6	5.000	198.000	Thực hiện chi trả tiền bồi thường khi gia đình bàn giao mặt bằng sạch và ký hồ sơ đầy đủ

STT	Mã	Họ và tên, địa chỉ, vị trí, loại đất, tài sản, hoa màu, chính sách hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Giá bồi thường	Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Nguồn gốc sử dụng đất
12		Họ và tên chủ hộ: Đào Văn Ngân				4.996.534	
	5.1	Số định danh cá nhân: 012076002806					
	5.2	Địa chỉ: Bán Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	5.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 039906437					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc		400,0		4.996.534	
	HDPE2	Ống HDPE (PE80) :DN25 Độ dày 2mm PN10	đồng/m	400,0	9.818	3.927.200	
	bekhna p118	Bể nước sinh hoạt không nắp bê tông, có thể tích < 6m3 - Bể xây tường gạch ép tường 18 cm	m3	1,4	792.099	1.069.334	Bể đầu nguồn KT: 1,5*1,5*0,6
13		Họ và tên chủ hộ: Chín Văn Mạnh				6.960.134	
	5.1	Số định danh cá nhân: 012067000739, ngày cấp: 19/6/2025					
	5.2	Địa chỉ: Bán Bum, xã Bum Nưa, tỉnh Lai Châu					
	5.3	Số điện thoại của người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 0823469789					
b	b	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc		600,0		6.960.134	
	HDPE2	Ống HDPE (PE80) :DN25 Độ dày 2mm PN10	đồng/m	600,0	9.818	5.890.800	
	bekhna p118	Bể nước sinh hoạt không nắp bê tông, có thể tích < 6m3 - Bể xây tường gạch ép tường 18 cm	m3	1,4	792.099	1.069.334	Bể đầu nguồn KT: 1,5*1,5*0,6